

Số: 39 /2024/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 17 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hạn mức giao đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ khoản 4 Điều 139 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 437/TTr-STNMT ngày 28 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định hạn mức giao đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, Cơ quan thuế, hộ gia đình, cá nhân và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Hạn mức giao đất nông nghiệp

1. Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản

a) Không quá 5.000 m² (năm nghìn mét vuông) cho mỗi loại đất đối với khu vực đô thị và xã Long Hưng thuộc thành phố Biên Hòa;

Trường hợp được giao nhiều loại đất trong cùng nhóm đất nông nghiệp thì tổng diện tích được giao không quá 10.000 m² (mười nghìn mét vuông).

b) Không quá 10.000 m² (mười nghìn mét vuông) cho mỗi loại đất đối với khu vực nông thôn;

Trường hợp được giao nhiều loại đất trong cùng nhóm đất nông nghiệp thì tổng diện tích được giao không quá 20.000 m² (hai mươi nghìn mét vuông).

2. Đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng trồng

a) Không quá 10.000 m² (mười nghìn mét vuông) cho mỗi loại đất đối với khu vực đô thị và xã Long Hưng, thành phố Biên Hòa;

b) Không quá 20.000 m² (hai mươi nghìn mét vuông) cho mỗi loại đất đối với khu vực nông thôn.

3. Trường hợp vượt hạn mức giao đất quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì diện tích vượt hạn mức phải chuyển sang thuê đất của Nhà nước.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2024.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này, tổng hợp các khó khăn vướng mắc, đề xuất điều chỉnh bổ sung cho phù hợp.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa; Thủ trưởng các sở, ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KTNS. (Phương 40b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Tấn Đức